

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 2
 BAN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 NĂM HỌC 2019-2020 VÀ TUYỂN SINH
 CÁC LỚP ĐẦU CẤP NĂM HỌC 2020-2021

**DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 6
 NĂM HỌC 2020-2021
 TRƯỜNG THCS THANH MỸ LỢI**

STT	Số biên nhận	Họ và lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Ghi chú
				Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	
1	2312/GB	Phan Ngọc Thúy	An	2	4	2009	
2	2402/GB	Đặng Bảo	An	2	3	2009	
3	169/BN	Nguyễn Ngọc Khánh	An	10	2	2009	
4	497/GB	Trần Quỳnh	Anh	11	6	2009	
5	498/GB	Vũ Hoàng	Anh	2	12	2009	
6	567/GB	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	20	5	2009	
7	745/GB	Phạm Đức	Anh	8	4	2009	
8	1501/GB	Quách Trần Minh	Anh	31	7	2009	
9	1558/GB	Trịnh Trung	Anh	27	3	2009	
10	1650/GB	Hoàng Nguyễn Hoài	Anh	23	6	2009	
11	1653/GB	Nguyễn Lan	Anh	24	12	2009	
12	1747/GB	Vũ Hà Nhật	Anh	21	3	2009	
13	2177/GB	Nguyễn Đức	Anh	5	7	2009	
14	2178/GB	Nguyễn Kim	Anh	17	3	2009	
15	2223/GB	Phạm Kỳ	Anh	1	2	2009	
16	2313/GB	Nguyễn Hà	Anh	25	8	2009	
17	2314/GB	Đồng Quỳnh	Anh	4	8	2009	
18	2359/GB	Phạm Nguyễn Quỳnh	Anh	28	9	2009	
19	2360/GB	Phan Bảo	Anh	26	11	2009	
20	2404/GB	Nguyễn Thị Phương	Anh	2	7	2009	
21	2407/GB	Trần Gia	Bảo	30	7	2009	
22	793/GB	Võ Huyền	Cầm	2	12	2009	
23	2299/GB	Nguyễn Bảo	Châu	12	9	2009	
24	2362/GB	Lê Trần Bảo	Châu	21	9	2009	
25	2408/GB	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	16	2	2009	
26	1387/GB	Lê Thị Thùy	Chi	9	3	2009	
27	2365/GB	Đỗ Trung	Dũng	1	12	2009	
28	458/GB	Bàn Anh	Duy	18	9	2009	
29	1315/GB	Triệu Mỹ	Duyên	2	12	2009	
30	2182/GB	Nguyễn Quỳnh Ánh	Dương	3	7	2009	
31	2183/GB	Trần Đức	Dương	2	10	2009	

STT	Số biên nhận	Họ và lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			
				Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	
32	2185/GB	Trương Anh Khánh	Đan	4	12	2009	
33	626/GB	Nguyễn Tấn	Đạt	3	1	2009	
34	2298/GB	Lê Thành	Đạt	14	5	2009	
35	2316/GB	Trần Hồ Minh	Đạt	24	6	2009	
36	2317/GB	Đới Văn	Đạt	10	9	2009	
37	501/GB	Trần Hải	Đăng	30	10	2009	
38	1277/GB	Phạm Hải	Đăng	19	6	2009	
39	2225/GB	Lê Ng. Hải	Đăng	13	3	2009	
40	2303/GB	Trần Minh	Đức	10	10	2009	
41	503/GB	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21	1	2009	
42	1534/GB	Lưu Gia	Hân	17	8	2009	
43	2187/GB	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	9	10	2009	
44	2227/GB	Trần Ngọc	Hân	9	4	2009	
45	2296/GB	Phạm Gia	Hân	24	12	2009	
46	2414/GB	Nguyễn Lâm	Hiền	6	10	2009	
47	506/GB	Nguyễn Hồ Trung	Hiếu	2	7	2009	
48	2188/GB	Châu Trung	Hiếu	22	11	2009	
49	2320/GB	Lê Thị Lễ	Hòa	28	11	2009	
50	634/GB	Lương Khánh	Hoàng	22	9	2009	
51	1321/GB	Lâm	Huân	19	12	2009	
52	507/GB	Hồ Quang	Huy	17	10	2008	
53	1570/GB	Nguyễn Gia	Huy	24	9	2009	
54	2068/GB	Hồ Phạm Gia	Huy	11	4	2009	
55	2189/GB	Bùi Phạm Gia	Huy	4	4	2009	
56	2190/GB	Nguyễn Hoàng	Huy	23	10	2009	
57	2191/GB	Nguyễn Mai Gia	Huy	28	4	2009	
58	2309/GB	Nguyễn Đức	Huy	2	7	2009	
59	1400/GB	Tạ Khánh	Huyền	23	12	2009	
60	524/GB	Nguyễn Nhật	Hưng	23	12	2009	
61	2415/GB	Nguyễn Trần Khánh	Hưng	12	12	2009	
62	2192/GB	Trần Thị Thu	Hương	15	5	2009	
63	2288/GB	Nguyễn Thị Xuân	Hương	17	7	2009	
64	2373/GB	Phùng Sỹ	Kiên	10	9	2009	
65	1512/GB	Nguyễn Quang Anh	Kiệt	22	11	2009	
66	2233/GB	Nguyễn Tuấn	Kiệt	14	12	2009	
67	2327/GB	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	15	2	2009	
68	133/BN	Hàn Thu	Kiều	11	8	2009	
69	2294/GB	Nguyễn Ngọc Thiên	Kim	8	4	2009	
70	2416/GB	Trần Nhật	Kha	10	10	2009	
71	2323/GB	Cao Yến	Khang	14	11	2009	

STT	Số biên nhận	Họ và lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			
				Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	
72	2369/GB	Nguyễn Đình Nguyên	Khang	22	5	2009	
73	22/BN	Nguyễn Thiện	Khang	5	10	2009	
74	2290/GB	Cao Minh	Khánh	28	8	2009	
75	122/BN	Ngô Quốc	Khánh	27	2	2008	
76	2231/GB	Ng. Trần Anh	Khoa	3	12	2009	
77	2232/GB	Trần Tuấn	Khoa	25	8	2009	
78	2370/GB	Trần Nguyễn Đăng	Khoa	11	10	2009	
79	1706/GB	Bùi Trương Đăng	Khôi	3	4	2009	
80	2372/GB	Võ Thắng Minh	Khôi	23	10	2009	
81	2445/GB	Nguyễn Đăng	Khôi	18	11	2009	
82	2374/GB	Huỳnh Tấn	Lạc	16	6	2009	
83	2375/GB	Phùng Gia	Lâm	28	2	2009	
84	1531/GB	Lê Trần Thùy	Linh	19	5	2009	
85	2419/GB	Nguyễn Khánh	Linh	1	3	2009	
86	643/GB	Vũ Nguyễn Việt	Long	25	9	2009	
87	2199/GB	Lê Trương Hải	Long	22	10	2009	
88	2201/GB	Trần Ngọc	Long	10	8	2009	
89	2236/GB	Hồ Ngọc Bảo	Long	11	11	2009	
90	2237/GB	Nguyễn Bá Phi	Long	2	8	2009	
91	805/GB	Ngô Sĩ Gia	Lộc	24	10	2009	
92	2420/GB	Nguyễn Sỹ	Lộc	21	9	2009	
93	2238/GB	Nguyễn Sỹ	Luân	10	6	2009	
94	2239/GB	Nguyễn Đức	Mạnh	25	9	2009	
95	2285/GB	Nguyễn Trần Huệ	Mẫn	18	3	2009	
96	2240/GB	Lê Nguyễn Ngọc Kiều	Mi	9	8	2009	
97	1669/GB	Vũ Nhật	Minh	9	4	2009	
98	2241/GB	Phạm Phúc	Minh	28	11	2009	
99	2286/GB	Đoàn Nhật	Minh	18	6	2009	
100	177/BN	Lâm Quang	Minh	25	2	2009	
101	2242/GB	Trương Hà	My	16	4	2009	
102	2378/GB	Nguyễn Hoàn	Mỹ	5	4	2009	
103	1238/GB	Nguyễn Thành	Nam	8	6	2009	
104	2329/GB	Trần Kim Ngọc	Nga	17	3	2009	
105	515/GB	Hoàng Khánh	Ngân	28	11	2009	
106	2274/GB	Nguyễn Thái Kim	Ngân	8	9	2009	
107	2421/GB	Nguyễn Thị	Ngân	16	5	2009	
108	165/BN	Đặng Ngô Kim	Ngân	7	2	2009	
109	2284/GB	Nguyễn Hoàng Hiếu	Nghĩa	13	6	2009	
110	2297/GB	Lê Trọng	Nghĩa	17	6	2009	
111	1762/GB	Lê Trần Bảo	Ngọc	2	10	2009	

STT	Số biên nhận	Họ và lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			
				Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	
112	1825/GB	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	5	3	2009	
113	155/BN	Phạm Đặng Minh	Ngọc	17	6	2009	
114	2331/GB	Lại Thanh Thảo	Nguyên	7	7	2009	
115	2245/GB	Trần Ngọc Thanh	Nhã	23	11	2009	
116	554/GB	Vũ Thiệu	Nhân	7	11	2009	
117	1876/GB	Nguyễn Thành	Nhân	16	5	2009	
118	2205/GB	Đồng Trang Hoàng	Nhân	21	9	2009	
119	2380/GB	Lê Trọng	Nhân	3	11	2009	
120	2423/GB	Nguyễn Trọng	Nhân	20	2	2009	
121	2273/GB	Nguyễn Minh	Nhật	28	9	2009	
122	161/GB	Nguyễn Nguyệt Lan	Nhi	23	3	2009	
123	518/GB	Trần Ái	Nhi	5	12	2009	
124	2287/GB	Trần Thị Yến	Nhi	5	1	2009	
125	2310/GB	Nguyễn Thảo Yến	Nhi	20	3	2009	
126	2424/GB	Phạm Trần Diệu	Nhi	6	7	2009	
127	1476/GB	Trần Thị Quỳnh	Như	19	1	2009	
128	1767/GB	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	25	5	2009	
129	2381/GB	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	31	5	2009	
130	2383/GB	Trần Ngọc Phương	Oanh	1	9	2009	
131	2249/GB	Trần Tấn	Phát	3	1	2009	
132	2384/GB	Đặng Gia	Phát	14	11	2008	
133	2386/GB	Phan Tấn	Phát	13	4	2009	
134	2425/GB	Trần Tấn	Phát	1	8	2009	
135	2447/GB	Võ Nhựt	Phát	19	3	2009	
136	1293/GB	Dương Nhựt	Phi	7	1	2009	
137	2251/GB	Phan Đình	Phong	10	3	2009	
138	2426/GB	Phạm Bùi Hữu	Phong	21	5	2009	
139	2275/GB	Bùi Hoàng	Phú	21	10	2009	
140	2388/GB	Trần Hữu	Phú	6	7	2009	
141	2306/GB	Võ Hoàng	Phúc	12	11	2009	
142	2335/GB	Võ Quỳnh Như	Phúc	5	6	2009	
143	2427/GB	Lý Đại Hoàng	Phúc	15	12	2009	
144	2428/GB	Trần Hoàng	Phúc	6	7	2009	
145	118/BN	Lê Nguyễn Hữu	Phúc	25	11	2008	
146	2209/GB	Phan Mỹ	Phương	26	11	2009	
147	2255/GB	Hồ Mai	Phương	18	3	2009	
148	2302/GB	Nguyễn Diễm	Phương	16	10	2009	
149	2430/GB	Nguyễn Thúy	Phương	31	12	2009	
150	1106/GB	Trương Minh	Quân	6	8	2009	
151	2336/GB	Nguyễn Thanh	Quân	28	9	2009	



STT	Số biên nhận	Họ và lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			
				Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	
152	2432/GB	Trần Anh	Quân	14	11	2009	
153	1480/GB	Nguyễn Đức Kim	Quý	15	2	2009	
154	2337/GB	La Dư	Quý	26	3	2009	
155	1482/GB	Dương Ngọc	Quỳnh	14	9	2009	
156	2390/GB	Trương Hoài Như	Quỳnh	13	3	2009	
157	2340/GB	Trương Tấn	Sang	25	5	2009	
158	2258/GB	Hồng Ngọc	Tài	23	2	2009	
159	521/GB	Nguyễn Đăng Thành	Tâm	19	10	2009	
160	2391/GB	Võ Hoài	Tâm	4	1	2009	
161	2434/GB	Đoàn Văn	Tân	25	6	2009	
162	2260/GB	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	21	11	2009	
163	2437/GB	Trần Triều	Tiên	5	5	2009	
164	1447/GB	Trần Trọng	Tín	4	9	2009	
165	2295/GB	Trần Trọng	Tín	10	9	2009	
166	2350/GB	Trần Thanh	Tín	12	6	2009	
167	2394/GB	Trần Minh	Toàn	20	4	2009	
168	15/BN	Trần Phú	Toàn	8	3	2009	
169	2133/GB	Trương Thanh	Tú	10	5	2009	
170	2219/GB	Trần Lương	Tú	30	7	2009	
171	2220/GB	Trần Anh	Tuấn	3	6	2009	
172	2398/GB	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	6	5	2009	
173	2441/GB	Võ Anh	Tuấn	23	11	2009	
174	2442/GB	Nguyễn Đình	Tùng	9	12	2009	
175	2354/GB	Nguyễn Kim	Tuyền	22	8	2009	
176	1418/GB	Nguyễn Võ Mai	Thanh	6	11	2009	
177	1688/GB	Nguyễn Diệp Hiếu	Thành	23	5	2009	
178	2291/GB	Trương Phú	Thành	23	9	2009	
179	2344/GB	Lý Khiết	Thành	21	5	2009	
180	1160/GB	Đỗ Thị Thanh	Thảo	28	10	2009	
181	2292/GB	Nguyễn Lâm Lạc	Thiên	20	12	2009	
182	522/GB	Đình Trí	Thiện	13	4	2009	
183	600/GB	Dương Minh	Thiện	21	7	2009	
184	352/GB	Nguyễn Phước	Thiện	12	2	2009	
185	523/GB	Trần Hoàng Gia	Thịnh	15	11	2009	
186	2293/GB	Nguyễn Minh	Thuận	20	7	2009	
187	2436/GB	Thái Thị Thanh	Thúy	19	12	2009	
188	2259/GB	Đào Minh	Thư	25	12	2009	
189	525/GB	Dương Bảo	Thy	7	9	2009	
190	2212/GB	Hồ Ngọc	Thy	29	11	2009	
191	2307/GB	Đỗ Ngọc	Trâm	8	4	2009	

STT	Số biên nhận	Họ và lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			
				Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	
192	1299/GB	Nguyễn Hoài Ngọc	Trân	30	4	2009	
193	2397/GB	Phạm Ngọc Bảo	Trân	23	10	2009	
194	2215/GB	Ngô Minh	Trí	14	6	2009	
195	2262/GB	Mai Lâm Thị Ngọc	Trúc	27	12	2009	
196	4/BN	Võ Quốc	Trung	24	2	2009	
197	740/GB	Nguyễn Cao Xuân	Trường	27	11	2009	
198	526/GB	Đặng Ngô Mỹ	Uyên	29	3	2009	
199	44/BN	Lương Hoàng	Vũ	27	11	2009	
200	1495/GB	Nguyễn Thanh Nhã	Vy	21	10	2009	
201	1735/GB	Lưu Nguyễn Khánh	Vy	25	10	2009	
202	2221/GB	Trần Nguyễn Thảo	Vy	5	7	2009	
203	2301/GB	Hồ Thị Thanh	Vy	7	2	2009	
204	2355/GB	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	5	5	2009	
205	2399/GB	Trần Ngọc Thảo	Vy	29	11	2009	
206	2400/GB	Trương Huỳnh Minh	Vy	27	10	2009	
207	2444/GB	Hà Ngọc Phương	Vy	1	11	2009	
208	2266/GB	Nguyễn Thanh	Xuân	6	3	2009	
209	1214/GB	Trần Huỳnh Như	Ý	8	12	2009	
210	1878/GB	Nguyễn Anh Hoàng	Yến	1	6	2009	

Tổng danh sách có 210 học sinh

